

Số: 200/KH-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 13 tháng 5 năm 2024

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Thực hiện Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Phát triển hạ tầng dữ liệu

a) Hoàn thiện Trung tâm dữ liệu tỉnh (Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh) đảm bảo kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia, Trung tâm dữ liệu vùng, khu vực,

b) Các Nền tảng điện toán đám mây và các Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động đảm bảo sẵn sàng đáp ứng 100% nhu cầu lưu trữ, thu thập, kết nối, chia sẻ dữ liệu của tỉnh, nhu cầu đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo mật thông tin theo cấp độ quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

2. Phát triển dữ liệu phục vụ Chính quyền số, Chính phủ số

a) Các cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành của tỉnh (ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù) có nhu cầu kết nối, khai thác, tích hợp, chia sẻ thông tin với các cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc nhu cầu kết nối, chia sẻ thông tin với nhau, được đáp ứng 100% yêu cầu thông qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

b) 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh mở và cung cấp dữ liệu mở đảm bảo chất lượng (không trùng lặp, dư thừa, không tốn công sức và chi phí để xử lý lại dữ liệu, hoặc thu thập lại dữ liệu), đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả, đảm bảo sẵn sàng hỗ trợ, phục vụ cho các hoạt động chỉ đạo điều hành, ban hành chính sách của cơ quan nhà nước và phục vụ phát triển các ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho phát triển kinh tế số, xã hội số.

c) 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; tối thiểu 80% dữ liệu về kết quả thực hiện các thủ tục hành chính được tái sử dụng, chia sẻ theo quy định (ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù) đảm bảo người dân và doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thực hiện các thủ tục hành chính.

d) Tích hợp kết quả xử lý công việc của cán bộ, công chức, viên chức vào phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của từng đơn vị; tỷ lệ áp dụng dữ

liệu trong phục vụ quản lý điều hành công việc trên môi trường số, trong kiểm tra, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức đạt tối thiểu 70%.

đ) Kết hợp khai thác sử dụng dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đối với 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện cung cấp trực tuyến, nâng cao hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước và cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp.

e) 100% cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quan trọng của tỉnh được triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và mô hình bảo vệ 4 lớp, đồng thời triển khai các hoạt động bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an ninh mạng.

3. Phát triển dữ liệu phục vụ kinh tế số, xã hội số

a) Xây dựng và hoàn thành 100% các bộ dữ liệu ngành nông nghiệp gồm: dữ liệu đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản cho các vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh phục vụ các hoạt động sản xuất nông nghiệp; hình thành dữ liệu của toàn bộ chuỗi quy trình sản xuất, kinh doanh, chế biến, quản lý giám sát nguồn gốc, cung ứng các sản phẩm nông nghiệp quan trọng, đảm bảo việc cung cấp thông tin minh bạch, chính xác, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử. 100% dữ liệu truy xuất nguồn gốc, xuất xứ được cung cấp kèm theo cho các sản phẩm OCOP đăng bán trên các sàn giao dịch thương mại điện tử.

b) Xây dựng và hoàn thành 100% các bộ dữ liệu ngành công nghiệp, thương mại và năng lượng, bao gồm: dữ liệu về mạng lưới sản xuất, truyền tải, tiêu thụ điện trên địa bàn tỉnh phục vụ việc vận hành tối ưu hệ thống điện, hiện đại hóa hệ thống điều độ, vận hành, thông tin liên lạc, điều khiển và tự động hóa phục vụ điều độ lưới điện trong nước và liên kết khu vực; dữ liệu trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, mạng lưới, chuỗi cung ứng sản xuất cơ bản trong các hoạt động công nghiệp từ nguyên liệu thô tới thành phẩm thương mại; dữ liệu về các trung tâm logistics, vận chuyển, kho bãi; dữ liệu về thị trường thương mại, hành vi tiêu dùng, nhu cầu quảng cáo của các nhãn hàng trên thị trường nhằm tối ưu hóa quá trình sản xuất, tiêu thụ hàng hóa của các đơn vị sản xuất, xây dựng các kênh phân phối hàng hóa hiệu quả và giám sát chặt chẽ nhu cầu thị trường,...

c) 90% các di sản văn hóa, di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt được số hóa, lưu trữ đầy đủ dữ liệu và hình thành thư viện số, di sản số, có hiện diện số trên môi trường mạng để mọi người dân, khách du lịch có thể truy cập, tra cứu tìm hiểu thuận lợi trên môi trường số; 100% các danh lam thắng cảnh, địa điểm du lịch được hoàn thành việc số hóa, lưu trữ và chia sẻ thông tin rộng rãi, kết hợp xây dựng các nền tảng số du lịch đồng bộ để quảng bá, phát triển du lịch, đưa du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển bền vững.

d) Hoàn thiện 100% cơ sở dữ liệu về bảo hiểm xã hội cho người lao động. Dữ liệu chuẩn hóa số lao động điện tử, tích hợp với dữ liệu về học tập suốt đời, dữ liệu về đào tạo nghề (bao gồm cả đào tạo tại trường và đào tạo, tích lũy kinh nghiệm làm việc tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) của người lao động được triển khai, hoàn thiện cho 100% người lao động đóng bảo hiểm xã hội.

đ) 100% các bộ dữ liệu mở về lực lượng, thị trường lao động việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động và yêu cầu trình độ, kỹ năng tương ứng được cung cấp và đảm bảo cập nhật chính xác, kịp thời, làm cơ sở triển khai các giải pháp dự báo nhu cầu, sự biến động về lao động, việc làm; người lao động có thể tiếp cận với dữ liệu về nhu cầu lao động, việc làm của xã hội và được tự động cung cấp gợi ý về danh sách việc làm phù hợp khi bị thất nghiệp.

e) Kho học liệu về giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập ngành giáo dục được số hóa, tích hợp với các nền tảng dạy và học trực tuyến đảm bảo hỗ trợ được cho 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông.

g) 100% dữ liệu không gian địa lý ngành Tài nguyên và Môi trường được số hóa, chuẩn hóa và liên thông, chia sẻ cho các cơ quan nhà nước... dưới dạng dịch vụ bản đồ và có thể chia sẻ cho các hệ thống thông tin của những lĩnh vực có sử dụng dịch vụ dữ liệu không gian địa lý kết nối, khai thác sử dụng.

h) 100% dữ liệu giám sát, quan trắc tự động việc xả thải của các khu công nghiệp, các điểm nóng về ô nhiễm môi trường được đảm bảo đáp ứng nhu cầu kết nối về trung tâm giám sát tập trung của ngành Tài nguyên và Môi trường theo thời gian thực, phục vụ việc phân tích đưa ra các cảnh báo khi có nguy cơ về sự cố môi trường.

i) 100% dữ liệu về hạ tầng giao thông công cộng và phương tiện giao thông, dữ liệu về kho, bãi được số hóa, cập nhật kịp thời, hỗ trợ giải quyết tốt những vấn đề khó khăn, vướng mắc của ngành giao thông và đáp ứng được nhu cầu xây dựng chuỗi cung ứng giao nhận - kho vận và logistics.

k) 95% các dữ liệu về y tế được xây dựng, tổ chức phù hợp với định hướng phân cấp quản lý để phát triển, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế.

l) Phát triển thị trường dữ liệu tạo môi trường mua bán, trao đổi dữ liệu có sự giám sát đảm bảo an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật; phát triển các dịch vụ dữ liệu (tổng hợp, phân tích, dán nhãn dữ liệu,...) để tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người dân, nhất là người có hoàn cảnh khó khăn và người khuyết tật.

4. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

100% các cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quan trọng của các sở, ngành, địa phương được triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và mô hình bảo vệ 4 lớp, đồng thời triển khai các hoạt động bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an ninh mạng.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Xây dựng quy chế, quy định

a) Rà soát, bổ sung, sửa đổi Danh mục cơ sở dữ liệu mở của ngành, lĩnh vực, địa phương; triển khai xây dựng và cung cấp dữ liệu mở.

b) Ban hành Danh mục dữ liệu lớn và Kế hoạch phát triển dữ liệu lớn thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

c) Xây dựng và ban hành quy chuẩn đối với từng loại dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu lớn của tỉnh; quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu, quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý tỉnh.

d) Xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn kỹ thuật về kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin. Xây dựng kế hoạch triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo, các công nghệ phân tích dữ liệu mới, tiên tiến trong công tác quản lý, điều hành để nâng cao khả năng phân tích và xử lý dữ liệu tại tỉnh.

2. Phát triển hạ tầng dữ liệu

a) Triển khai Cổng dữ liệu của tỉnh (Nền tảng số hóa dùng chung: <https://sohoa.thuathienhue.gov.vn>) theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ, tích hợp với Cổng dữ liệu quốc gia.

b) Phát triển Hệ thống dữ liệu mở của tỉnh (<https://data.thuathienhue.gov.vn/>), cung cấp dữ liệu mở cho các cơ quan tổ chức, doanh nghiệp và người dân tra cứu, khai thác sử dụng phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số, đồng thời thu thập dữ liệu mở từ các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng.

c) Xây dựng và củng cố, hoàn thiện các hạ tầng thu thập và truyền tải dữ liệu tại tỉnh. Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền số gắn kết với phát triển đô thị thông minh, giao thông thông minh, nông nghiệp thông minh, quản lý tài nguyên, môi trường,... tại tỉnh; kết hợp tối đa với hạ tầng do các tổ chức, cá nhân đã đầu tư, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

d) Duy trì việc kết nối Nền tảng điện toán đám mây của tỉnh với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo mô hình do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

3. Phát triển dữ liệu

a) Thu thập, củng cố và hoàn thiện dữ liệu chủ, cơ sở dữ liệu dùng chung trong cơ sở dữ liệu của sở, ngành, địa phương, số hóa dữ liệu các sở, ngành, địa phương phục vụ ứng dụng dịch vụ Chính quyền số trong cơ quan nhà nước của tỉnh.

b) Xây dựng, cung cấp các nền tảng số tổng hợp, phân tích dữ liệu cấp tỉnh để lưu trữ tập trung, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung tại tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và phát triển kinh tế xã hội.

c) Phát triển nguồn dữ liệu lớn và xây dựng hồ dữ liệu của tỉnh. Thu thập và khai thác, làm giàu nguồn dữ liệu lớn phát sinh trong các hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

d) Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; thu thập, phát triển dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp.

4. Phát triển kết nối, chia sẻ dữ liệu

a) Hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh kết nối liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

b) Hợp tác xây dựng các bộ dữ liệu lớn theo vùng, miền để cùng tích hợp, chia sẻ, tận dụng tài nguyên dữ liệu dùng chung cho các tỉnh, thành phố thuộc vùng, miền có những đặc trưng và lợi thế tương đồng. Thiết lập các chuỗi giá trị trên cơ sở khai thác dữ liệu liên vùng để thúc đẩy phát triển kinh tế.

c) Chia sẻ dữ liệu lớn của tỉnh với các bộ, ngành, Trung ương và từng bước đưa dữ liệu lớn vào ứng dụng trong mọi mặt của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

d) Ban hành các quy định, văn bản hướng dẫn phù hợp với phạm vi quản lý nhà nước đối với hoạt động mở, kết nối, chia sẻ dữ liệu cho cộng đồng, xem xét các cơ chế hỗ trợ phù hợp để khuyến khích doanh nghiệp, người dân mở, chia sẻ dữ liệu có giá trị và cùng xây dựng các bộ dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung để phục vụ lợi ích chung cho xã hội.

e) Chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý cho các Sở, ngành, địa phương khai thác, sử dụng phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành khi có yêu cầu.

III. GIẢI PHÁP

1. Tổ chức bộ máy, mạng lưới

a) Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, bổ sung chức năng, nhiệm vụ về dữ liệu, làm đầu mối theo dõi thực hiện nhiệm vụ phát triển hạ tầng dữ liệu, phát triển dữ liệu của tỉnh trên tinh thần không phát sinh thêm cơ cấu tổ chức bộ máy.

b) Thiết lập mạng lưới nhân sự hỗ trợ triển khai thực hiện Chiến lược từ các cấp trên địa bàn tỉnh. Mỗi cơ quan nhà nước phân công một lãnh đạo làm đầu mối phụ trách về dữ liệu, chịu trách nhiệm tổ chức và điều hành hoạt động về phát triển dữ liệu tại cơ quan, đơn vị mình.

2. Bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng

a) Triển khai tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức về dữ liệu số, sử dụng và quản lý dữ liệu cá nhân, bảo vệ dữ liệu; bồi dưỡng kiến thức làm việc với dữ liệu và khai thác dữ liệu, giúp người dân tham gia và có kỹ năng, đảm bảo phát triển dữ liệu có chất lượng.

b) Tăng cường bồi dưỡng kiến thức, năng lực cho đội ngũ cán bộ phụ trách về dữ liệu của các cơ quan nhà nước; xây dựng các chương trình bồi dưỡng, nâng cao trình độ về quản trị, phân tích, lưu trữ, kết nối, chia sẻ dữ liệu để thông qua các khóa bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ chuyên gia về dữ liệu tạo lực lượng nòng cốt, lan tỏa kiến thức, kỹ năng phát triển dữ liệu cho các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp.

c) Tổ chức tập huấn, phổ biến, diễn tập thường niên về đảm bảo an toàn dữ liệu, an ninh thông tin, bảo vệ hạ tầng dữ liệu.

3. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và Nghiên cứu và phát triển

a) Triển khai thực hiện các chương trình về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dữ liệu số.

b) Nghiên cứu, làm chủ các công nghệ về phân tích dữ liệu, xử lý dữ liệu; phát triển các mô hình trí tuệ nhân tạo, các thuật toán chuỗi khối ứng dụng cho dữ liệu mở, dữ liệu lớn phù hợp với đặc điểm và nhu cầu tại Tỉnh.

c) Phát triển cộng đồng nguồn mở dữ liệu lớn, phát triển hệ sinh thái nguồn mở và nâng cao toàn diện khả năng nghiên cứu kỹ thuật thúc đẩy các công nghệ tiên tiến về dữ liệu lớn.

4. Hợp tác nhà nước doanh nghiệp

a) Tạo lập môi trường phát triển thị trường dữ liệu lành mạnh, an toàn và đúng pháp luật, qua đó thúc đẩy các dịch vụ dữ liệu, tạo ra thêm nhiều cơ hội việc làm cho người dân.

b) Triển khai phương án nhà nước, doanh nghiệp đặt hàng các trung tâm nghiên cứu, các doanh nghiệp công nghệ phân tích, xử lý số liệu phục vụ mục đích định hướng kinh doanh, hỗ trợ ra quyết định.

c) Nhà nước xây dựng một số công cụ thu thập, phân tích dữ liệu sử dụng chung để hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ; nghiên cứu, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số phát triển các nền tảng chuyên đổi số để thông qua các nền tảng làm giàu dữ liệu và tạo lập được hệ sinh thái dữ liệu của tỉnh đa dạng.

d) Phát triển không gian dữ liệu cộng đồng trên cơ sở phối hợp và đóng góp dữ liệu từ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân, tiến tới hình thành kho dữ liệu, các bộ dữ liệu mở, dữ liệu lớn dùng chung, dữ liệu mẫu để phát triển các giải pháp và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

5. Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai

a) Bổ sung các chỉ số đánh giá về phát triển dữ liệu vào Bộ chỉ số chuyên đổi số (DTI) cấp tỉnh.

b) Định kỳ hàng năm công bố kết quả chỉ số đánh giá về phát triển dữ liệu cùng với bộ chỉ số chuyên đổi số, làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, xếp hạng về mức độ phát triển dữ liệu, kết quả thực hiện Chiến lược của tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

2. Huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Giao Sở Thông tin và Truyền thông làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ phát triển dữ liệu, tư vấn các vấn đề về dữ liệu, là cơ quan đầu mối quản lý, theo dõi

giám sát việc khai thác sử dụng hiệu quả dữ liệu của địa phương và kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương trong công tác quản lý, theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện Chiến lược, tập trung vào các nội dung:

- Hướng dẫn và hỗ trợ các Sở, ban, ngành, địa phương trong việc triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược; làm đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện Chiến lược và định kỳ hằng năm báo cáo UBND tỉnh, Ban chỉ đạo chuyển đổi số.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền qua các hình thức đa dạng, phong phú, xây dựng các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, tờ rơi,... để nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền và người dân về vai trò, tầm quan trọng của giá trị dữ liệu, phát triển, khai thác sử dụng, chia sẻ dữ liệu hiệu quả.

- Xây dựng, bổ sung các bộ chỉ số đánh giá về phát triển dữ liệu vào Bộ chỉ số chuyển đổi số (DTI) để đánh giá kết quả phát triển dữ liệu của các cấp và theo dõi, đánh giá hằng năm.

2. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung Kế hoạch này; báo cáo kết quả triển khai thực hiện (*lồng ghép báo cáo kết quả chuyển đổi số định kỳ*) về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp.

- Chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan có liên quan đề xuất UBND tỉnh cập nhật, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực, ngành phụ trách theo hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương và theo tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động đề xuất, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Như Mục V;
- VP: CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phương

